

THỰC TRẠNG THỰC HIỆN HOẠT ĐỘNG GIẢNG DẠY CỦA GIÁO VIÊN Ở CÁC TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG THÀNH PHỐ VŨNG TÀU, TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

PHAN NGỌC HUỲNH*

TÓM TẮT

Việc thực hiện hoạt động giảng dạy của giáo viên theo xu thế đổi mới giáo dục ở các trường trung học phổ thông (THPT) thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đã đạt được những kết quả tốt, song vẫn còn những vấn đề cần khắc phục. Bài viết trình bày việc khảo sát thực trạng hoạt động giảng dạy. Trên cơ sở kết quả của khảo sát, một số nguyên nhân của thực trạng này được bình luận; từ đó, đề xuất một số biện pháp nhằm cải tiến hoạt động giảng dạy của giáo viên.

Từ khóa: hoạt động giảng dạy của giáo viên, trung học phổ thông, Bà Rịa - Vũng Tàu.

ABSTRACT

The reality of teaching activities in high schools in Vung Tau City, Ba Ria - Vung Tau province

In the current phase of education reforming, teaching activities in high schools in Vung Tau City, Ba Ria - Vung Tau province have achieved good results; yet there are still shortcomings. This article is about the survey on the reality of teaching activities. Based on the findings of the survey, some causes are discussed and feasible measures to solve the problems are suggested.

Keywords: teaching activities, high school, Ba Ria-Vung Tau.

1. Giới thiệu

Trung học phổ thông (THPT) là bậc học cuối của giáo dục phổ thông. Trường THPT “có nhiệm vụ trang bị cho người học những kiến thức, kỹ năng, kỹ xảo và thái độ cần thiết, cơ bản nhất để sống và hoạt động có hiệu quả góp phần xây dựng xã hội” [6].

Hoạt động giảng dạy của giáo viên (GV) trong nhà trường là hoạt động trọng tâm. Để hoạt động giảng dạy theo xu thế đổi mới như hiện nay đạt hiệu quả cao, GV không đơn thuần chỉ truyền tải kiến thức cho học sinh (HS) mà còn phải tổ

chức điều khiển, hướng dẫn HS rèn luyện các kỹ năng, tích cực, chủ động và sáng tạo trong học tập, có khả năng tự học và nghiên cứu để chiếm lĩnh tri thức. Để làm tốt điều này, GV cần phải nỗ lực rất lớn, phải có vốn kiến thức phong phú, đồng thời biết vận dụng các phương pháp và những kỹ năng khác.

Hoạt động giảng dạy của GV ở các trường THPT thành phố Vũng Tàu trong giai đoạn đổi mới bên cạnh những kết quả tốt đã đạt được vẫn còn những bất cập. Vì thế, tăng cường các biện pháp nhằm khắc phục thực trạng là vấn đề cấp thiết hiện nay.

* ThS, Trường THPT Nguyễn Huệ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu

2. Thể thức và phương pháp nghiên cứu

Để tìm hiểu thực trạng hoạt động giảng dạy ở các trường THPT thành phố Vũng Tàu, tác giả tiến hành khảo sát thông qua bộ phiếu trưng cầu kiến. Các phiếu trưng cầu ý kiến này được soạn thảo theo 2 giai đoạn: thăm dò sơ khởi gồm các câu hỏi mở được gửi đến các khách thể nghiên cứu; thăm dò chính thức được thực hiện sau khi phiếu trưng cầu ý kiến gồm những câu được rút ra từ đợt thăm dò sơ khởi, phân tích nội dung và lập thành phiếu chính thức.

* *Kết quả các tham số của đối tượng được trưng cầu ý kiến:*

Giáo viên: 156

- Công việc: không ghi: 4; giáo viên: 152; giáo viên chủ nhiệm: 94 (kiêm nhiệm)

- Trình độ chuyên môn: không ghi: 19; cử nhân: 127; thạc sĩ: 10

- Giới tính: nam: 67; nữ: 89

- Thâm niên công tác: không ghi: 7; dưới 5 năm: 39; từ 6 đến 15 năm: 63; từ 16 đến 25 năm: 24; 25 năm trở lên: 23.

- Trường nơi công tác (trường PTH): Đinh Tiên Hoàng: 31; Lê Quý Đôn: 28; Vũng Tàu: 26; Nguyễn Huệ: 34; Trần Nguyễn Hãn: 37

Học sinh: 535

- Giới tính: nam: 236; nữ: 299

- Học lớp: không ghi: 7; 10: 145; 11: 215; 12: 168

- Tại trường THPT: Trần Nguyễn Hãn: 108; Vũng Tàu: 108; Nguyễn Huệ: 117; Đinh Tiên Hoàng: 105; Lê Quý Đôn: 97

Tổng cộng số lượng đối tượng điều tra: GV: 156; HS: 535

* *Ghi chú:*

- Tùy theo thang đo, điểm trung bình cộng sẽ thay đổi. Theo kết quả này, có thể quy định về các mức như sau: Từ 4,5 đến 5: tốt; từ 3,5 đến 4,4: khá; từ 2,5 đến 3,4: trung bình; dưới 2,4: kém. Do đó, khi nhìn vào trung bình cộng của các câu, chúng ta sẽ biết việc đánh giá ở mức độ nào so với trung bình cộng.

- Một số từ viết tắt trong các bảng: ĐLTC: độ lệch tiêu chuẩn; TB: trung bình cộng.

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Ý kiến đánh giá của GV

Các ý kiến đánh giá của GV về mức độ thực hiện hoạt động giảng dạy được tổng hợp trong bảng 1 sau đây:

Bảng 1. Ý kiến đánh giá của GV về mức độ thực hiện hoạt động giảng dạy

| Nội dung | TB | ĐLTC | Thứ bậc |
|---|------|------|---------|
| Giảng dạy theo lịch trình và kỹ năng quản lý lớp dạy | | | |
| GV triển khai giảng dạy theo đúng lịch trình | 4,16 | 0,89 | 1 |
| GV giao tiếp với HS với thái độ cởi mở, thân thiện | 4,10 | 0,42 | 2 |
| GV rút ra nội dung trọng tâm khi kết thúc một bài, một chương | 4,07 | 0,37 | 3 |
| GV giao nhiệm vụ cho HS chuẩn bị bài học lần sau | 4,01 | 0,48 | 4 |
| GV kiểm soát lớp, duy trì sự chú ý của HS trong suốt giờ lên lớp. | 3,42 | 0,59 | 5 |

| Phương pháp và kỹ thuật lên lớp | | | |
|--|------|------|---|
| Kỹ năng sử dụng ngôn ngữ của GV trình bày trên lớp rõ ràng | 4,14 | 0,43 | 1 |
| GV tạo niềm tin cho HS về khả năng học tập của mình | 3,89 | 0,41 | 2 |
| GV tận tình giải đáp các câu hỏi của HS trên lớp | 3,87 | 0,51 | 3 |
| Trình tự sắp xếp nội dung bài giảng của GV theo đúng giáo trình | 3,83 | 0,68 | 4 |
| Bài giảng của GV trang bị cho HS tri thức, kỹ năng và thái độ | 3,37 | 0,54 | 5 |
| GV áp dụng nhiều biện pháp để các nhóm đối tượng HS có trình độ khác nhau trong lớp đều hiểu bài. | 3,20 | 0,71 | 6 |
| Áp dụng tri thức và phương pháp, kỹ năng giảng dạy | | | |
| GV khuyến khích HS đặt câu hỏi trên lớp, khuyến khích HS trình bày ý kiến và nhận xét ý kiến của bạn trong giờ học | 3,82 | 0,91 | 1 |
| GV hướng dẫn kỹ năng làm việc theo nhóm, kỹ năng trình bày trước lớp cho HS | 3,77 | 0,58 | 2 |
| GV tìm hiểu những khó khăn trong học tập của HS. | 3,61 | 0,66 | 3 |
| GV hướng dẫn HS biết cách khai thác các nguồn tài liệu khác nhau | 3,37 | 0,54 | 4 |
| GV đưa kiến thức thực tế vào bài giảng | 3,35 | 0,80 | 5 |
| GV sử dụng CNTT trong giảng dạy | 3,25 | 0,70 | 6 |
| GV yêu cầu HS sử dụng Internet trong học tập | 2,77 | 0,81 | 7 |
| GV đọc bài giảng cho HS chép. | 2,66 | 0,75 | 8 |

Bảng 1 cho thấy một số vấn đề như sau:

- *Giảng dạy theo lịch trình và kỹ năng quản lý lớp:*

Hầu hết các nội dung đều được GV đánh giá mức độ thực hiện khá tốt. Trong đó, việc “thực hiện lịch trình giảng dạy” được đánh giá rất cao (thứ bậc 1). Tiếp theo về kỹ năng quản lý lớp, đa số GV đã chú ý đến yếu tố tâm lý của HS. Sự thân thiện, thái độ cởi mở của GV trong lớp học sẽ làm giảm sự căng thẳng, tạo bầu không khí thoải mái cho HS tiếp cận phương pháp học mới. Dưới sự hướng dẫn của GV, HS chủ động chiếm lĩnh tri thức bằng nhiều hình thức học tập như thảo luận nhóm, trình bày ý kiến của cá nhân, hình thành kỹ năng giải quyết các vấn đề trong phạm vi bài học.

Bên cạnh đó, kết quả khảo sát cũng đã chỉ ra điểm yếu về kỹ năng quản lý lớp. Trong đó, nội dung: “GV bao quát và kiểm soát lớp, duy trì sự chú ý của HS trong suốt giờ lên lớp” được đánh giá thấp nhất (thứ bậc 5).

- *Phương pháp và kỹ thuật lên lớp:*

Theo bảng 1, đa số các nội dung được đánh giá khá lần lượt từ cao đến thấp cho thấy đa số GV đã áp dụng tốt các phương pháp và kỹ thuật lên lớp như: kỹ năng ngôn ngữ diễn đạt trên lớp rõ ràng giúp HS hiểu bài; sắp xếp nội dung bài giảng theo trình tự, khoa học đúng với giáo trình; tổ chức điều khiển hoạt động dạy học có sự chú ý quan tâm giải đáp thắc mắc về nội dung bài học cho HS, giúp HS nhận thức được vai trò chủ động của mình trong học tập và chiếm lĩnh tri thức.

Bên cạnh những ưu điểm trên, kết quả khảo sát cũng đã chỉ ra những hạn chế về mức độ thực hiện phương pháp và kỹ thuật lên lớp ở các nội dung như: “GV áp dụng nhiều biện pháp để các nhóm đối tượng HS có trình độ khác nhau trong lớp đều hiểu bài” (thứ bậc 6); “Bài giảng của GV trang bị cho HS tri thức, kỹ năng và thái độ” (thứ bậc 5).

- *Áp dụng tri thức và phương pháp, kỹ năng giảng dạy:*

Khác với 2 nội dung đánh giá trên, nội dung này được đánh giá rất thấp. Tuy rằng đa số GV đều phủ nhận lối truyền thụ kiến thức cho người học theo cách

truyền thống. Ví dụ: quan điểm “GV đọc bài giảng cho HS chép” (thứ bậc 8), song kết quả cũng đã chỉ ra việc áp dụng tri thức và phương pháp mới trong hoạt động giảng dạy của GV chưa được đánh giá cao. Các nội dung được đánh giá kém: GV yêu cầu HS sử dụng internet trong học tập (thứ bậc 7); GV sử dụng CNTT trong giảng dạy (thứ bậc 6); GV đưa kiến thức thực tế vào bài giảng (thứ bậc 5).

3.2. Ý kiến đánh giá của HS

Các ý kiến đánh giá của HS về mức độ thực hiện hoạt động giảng dạy của GV thể hiện ở bảng 2 sau đây:

Bảng 2. Ý kiến của HS đánh giá về mức độ thực hiện hoạt động giảng dạy của GV

| Nội dung | TB | ĐLTC | Thứ bậc |
|--|------|------|---------|
| <i>Giảng dạy theo lịch trình và kỹ năng quản lý lớp dạy</i> | | | |
| GV triển khai giảng dạy theo đúng lịch trình | 4,09 | 0,89 | 1 |
| GV rút ra nội dung trọng tâm khi kết thúc một bài, một chương | 3,86 | 0,96 | 2 |
| GV giao nhiệm vụ cho HS chuẩn bị bài học lần sau | 3,82 | 0,91 | 3 |
| GV giao tiếp với HS với thái độ cởi mở, thân thiện | 3,77 | 0,88 | 4 |
| GV kiểm soát lớp, duy trì sự chú ý của HS trong suốt giờ lên lớp. | 3,07 | 0,99 | 5 |
| <i>Phương pháp và kỹ thuật lên lớp</i> | | | |
| Kỹ năng sử dụng ngôn ngữ của GV trình bày trên lớp rõ ràng | 3,82 | 0,91 | 1 |
| Trình tự sắp xếp nội dung bài giảng của GV theo đúng giáo trình | 3,66 | 0,89 | 2 |
| Bài giảng của GV giúp HS hiểu bài | 3,46 | 0,91 | 3 |
| Bài giảng đảm bảo trang bị cho HS tri thức, kỹ năng tương ứng của môn học | 3,21 | 0,91 | 4 |
| GV áp dụng nhiều biện pháp để các nhóm đối tượng HS trong lớp đều hiểu bài | 3,18 | 1,12 | 5 |
| Nội dung bài giảng giúp HS giải quyết tốt những vấn đề về học bài tập thực hành | 3,16 | 0,92 | 6 |
| GV tạo niềm tin cho HS về khả năng học tập của mình. | 2,97 | 1,10 | 7 |
| <i>Áp dụng tri thức và phương pháp, kỹ năng giảng dạy</i> | | | |
| GV khuyến khích HS đặt câu hỏi trên lớp, khuyến khích HS trình bày ý kiến và nhận xét ý kiến của bạn trong giờ học | 3,70 | 0,91 | 1 |
| GV tìm hiểu những khó khăn trong học tập của HS | 3,65 | 0,97 | 2 |
| GV hướng dẫn kỹ năng làm việc theo nhóm, kỹ năng trình bày trước lớp cho HS | 3,11 | 1,02 | 3 |

| | | | |
|--|------|------|---|
| GV hướng dẫn HS biết cách khai thác các nguồn tài liệu khác nhau | 2,98 | 1,06 | 4 |
| GV đưa kiến thức thực tế vào bài giảng | 2,97 | 1,10 | 5 |
| Đa số GV dạy theo cách đọc - chép | 2,96 | 1,15 | 6 |
| GV sử dụng giáo trình điện tử trong giảng dạy | 2,71 | 1,16 | 7 |
| GV yêu cầu HS sử dụng Internet trong học tập. | 2,02 | 1,18 | 8 |

Bảng 2 cho thấy ý kiến nhận xét của HS so sánh với phần tự đánh giá của GV về mức độ thực hiện hoạt động giảng dạy của GV tính theo trung bình cộng không có sự chênh lệch lớn, các yếu tố đánh giá theo thứ bậc cũng có sự tương đồng. Tuy nhiên kết quả đánh giá của HS đã chỉ ra một số vấn đề cần lưu ý:

- *Giảng dạy theo lịch trình và kỹ năng quản lý lớp:*

HS cho rằng GV chưa quan tâm nhiều đến việc “bao quát và kiểm soát lớp, duy trì sự chú ý của HS trong suốt giờ lên lớp”. Nội dung này được đánh giá thấp (thứ bậc cuối) và trùng khớp với ý kiến đánh giá của GV.

Phương pháp và kỹ thuật lên lớp:

Các nội dung HS đánh giá mức độ thực hiện thấp: GV áp dụng nhiều biện pháp để các nhóm đối tượng HS có trình độ khác nhau trong lớp đều hiểu bài (thứ bậc 5). Đánh giá này tương đồng với đánh giá của GV; Nội dung: “GV tạo niềm tin cho HS về khả năng học tập của mình” (thứ bậc 7) có mâu thuẫn với ý kiến đánh giá của GV.

- *Áp dụng tri thức và phương pháp, kỹ năng giảng dạy:*

Các nội dung HS đánh giá mức độ thực hiện khá: GV khuyến khích HS đặt câu hỏi trên lớp, khuyến khích HS trình bày ý kiến và nhận xét ý kiến của bạn trong giờ học (thứ bậc 1); GV tìm hiểu những khó khăn trong học tập của HS

(thứ bậc 2). Đánh giá này có thứ bậc và trung bình cộng trùng khớp với ý kiến đánh giá của GV

HS đánh giá thấp việc sử dụng CNTT trong hoạt động dạy - học; GV đưa kiến thức thực tế vào bài giảng. GV cũng tự đánh giá thấp các nội dung này.

4. Nhận xét ý kiến đánh giá của GV và HS về mức độ thực hiện hoạt động giảng dạy của GV

Nhìn chung ý kiến của GV và HS có sự tương đồng, cho kết quả đáng tin cậy. Mặc dù có chênh lệch về thứ bậc ở một số nội dung, nhưng kết quả nhận xét thể hiện những điểm mạnh, điểm yếu phản ánh đúng mức độ thực hiện hoạt động giảng dạy tại các trường THPT của địa phương.

Ở một số ít nội dung, ý kiến của GV và HS có sự khác biệt lớn, điều này đã mở ra hướng suy nghĩ tích cực, đòi hỏi phải áp dụng thêm phương pháp nghiên cứu khác để tìm hiểu đúng thực trạng.

4.1. Nhận xét thực trạng giảng dạy

4.1.1. Ưu điểm

Hoạt động giảng dạy của các trường THPT trong thành phố đã có nhiều chuyển biến tích cực. Tại các đơn vị, GV đều có sự đồng thuận trong các hoạt động đổi mới dạy học và thu được nhiều kết quả tốt.

Thực hiện nghiêm túc lịch trình dạy học, kỹ năng quản lý lớp, áp dụng tốt tri thức, phương pháp và kỹ năng giảng dạy.

GV ngày càng quan tâm nhiều đến tất cả khâu trong chu trình lên lớp như thiết kế bài giảng, chuẩn bị bài giờ lên lớp, các phương pháp và kỹ thuật lên lớp, quản lý HS trên lớp, hướng dẫn HS chủ động học tập.

4.1.2. Nhược điểm

Chất lượng giảng dạy ở các trường THPT trong địa bàn TP chưa đồng đều giữa các trường do cơ chế phân hoá tuyển sinh đầu cấp.

Một số GV chưa nhận thức sâu sắc hết tầm quan trọng của giảng dạy - hoạt động chủ đạo trong nhà trường trong giai đoạn đổi mới giáo dục hiện nay.

Một số vấn đề khác diễn ra xung quanh hoạt động giảng dạy của GV như:

- Xây dựng kế hoạch giảng dạy chưa được thực hiện đồng bộ hoặc chưa đảm bảo tính đột phá theo chương trình đổi mới.
- Chưa đảm bảo đủ chất lượng các khâu theo chu trình lên lớp từ việc thiết kế bài giảng, áp dụng hiệu quả các phương pháp và kỹ thuật lên lớp, quản lý HS trên lớp cho đến việc KTĐG kết quả học tập của HS.
- Các hoạt động đổi mới PPDH và KTĐG chưa có sự gắn kết; ứng dụng CNTT trong soạn giảng vẫn mang nặng tính biểu diễn hơn là tính hiệu quả.

4.2. Nguyên nhân của những hạn chế, yếu kém

4.2.1. Nguyên nhân chủ quan

Hoạt động giảng dạy vẫn còn dựa vào kinh nghiệm truyền thống, bỏ qua xây dựng kế hoạch. Vì thế, GV đã phải vướng mắc không ít những khó khăn trong điều kiện các hoạt động dạy và học đang được đổi mới mạnh mẽ.

Đổi mới chương trình dạy học, đổi mới phương pháp và KTĐG kết quả học tập của HS chưa có sự gắn kết, điều này dẫn đến chất lượng và hiệu quả trong các hoạt động đổi mới dạy học không được như mong muốn.

4.2.2. Nguyên nhân khách quan

Về nhân sự: Trình độ của GV tại các trường THPT trong TP không đồng bộ. Trong những năm qua, số lượng trường lớp tăng, dẫn đến việc số lượng GV ở các trường cũng tăng lên. Đội ngũ GV trẻ chiếm khá đông nhưng lại thiếu kinh nghiệm nghề nghiệp.

Về lương và chế độ chính sách: Các chế độ đối với GV chưa phù hợp, so với yêu cầu nhiệm vụ thì còn nhiều bất hợp lý; nguồn tài chính dành cho HĐDH còn thấp.

Về CSVC: Hệ thống các phòng chức năng tại một số trường còn thiếu, hệ thống trang thiết bị và các điều kiện hỗ trợ dạy học tại các trường chưa thật sự đáp ứng được điều kiện dạy học trong giai đoạn đổi mới và phát triển giáo dục.

4.3. Đề xuất các biện pháp

Căn cứ vào mục tiêu đào tạo của giáo dục THPT và thực trạng tại các trường THPT TP Vũng Tàu, đối chiếu với cơ sở lý luận tác giả đề xuất một số biện pháp nhằm tháo gỡ, khắc phục những tồn tại, nâng cao chất lượng dạy học. Các biện pháp có thể chia thành những vấn đề lớn như sau:

- Tăng cường nhận thức của CBQL, GV và HS về đổi mới giáo dục THPT;
- Tăng cường công tác kế hoạch hóa hoạt động giảng dạy của GV;

- Tăng cường quản lý thực hiện chương trình dạy học, nâng cao chất lượng giờ lên lớp;
- Thực hiện đồng bộ việc đổi mới phương pháp dạy học;
- Đẩy mạnh thực hiện hiệu quả các khâu trong quy trình hoạt động giảng dạy;
- Cải tiến công tác bồi dưỡng GV;
- Tăng cường các biện pháp quản lý các điều kiện hỗ trợ dạy học.

5. Kết luận

Nâng cao chất lượng dạy học là nhiệm vụ và yêu cầu bức thiết đối với những người làm công tác giáo dục. Trong tất cả các yếu tố góp phần nâng cao chất lượng giáo dục thì “hoạt động giảng dạy là khâu then chốt” [6], nó định hướng, dẫn dắt các hoạt động giáo dục khác đi đúng mục tiêu. Vì thế, muốn khẳng định sự tồn tại và phát triển của bất kì một trường nào ở bất kì một thời điểm nào thì việc thực hiện tốt hoạt động giảng dạy phải được đặc biệt chú trọng. Từ kết quả nghiên cứu lý luận và thực tiễn tác giả rút ra một số kết luận khái quát sau:

Hoạt động giảng dạy của GV ở các trường THPT ở thành phố Vũng Tàu trong giai đoạn đổi mới giáo dục toàn diện tuy đạt được nhiều kết quả tốt, song vẫn còn những tồn tại nhất định. Vì vậy, để nâng cao chất lượng dạy học, người GV cần phát huy hơn nữa vai trò chủ đạo, tích cực, tiên phong đổi mới PPDH, đổi mới đồng bộ và hiệu quả các quy trình dạy học từ việc lập kế hoạch giảng dạy, chuẩn bị trước giờ lên lớp, thực hiện chương trình dạy học đến việc tổ chức hoạt động dạy học trên lớp và KTĐG kết quả học tập của HS, tạo sức mạnh đồng thuận trong quá trình đổi mới toàn diện các hoạt động giáo dục.

Từ cơ sở lý luận, thể thức và phương pháp nghiên cứu trên, bài viết có thể đóng góp thêm tư liệu, giúp các CBQL giáo dục tại địa phương tìm hiểu và cải tiến thực trạng nhằm nâng cao chất lượng hoạt động giảng dạy ở các trường THPT thành phố Vũng Tàu.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đặng Vũ Hoạt, Hà Thế Ngữ (1988), *Giáo dục học* (tập 2), Nxb Giáo dục, Hà Nội.
2. Hà Sĩ Hồ, Lê Tuấn (1987), *Những bài giảng về quản lý trường học*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
3. Hồ Văn Liên (2004), *Tổ chức quản lý giáo dục trong trường học*, Trường Đại học Sư phạm TPHCM.
4. P. V. Zimin, M. I. Kozakóp, N. I. Saxerđôlóp (1985), *Những vấn đề quản lý trường học*, Trường Cán bộ Quản lý Giáo dục, Bộ Giáo dục và Đào tạo.
5. Nguyễn Thị Thái (chủ biên) (2009), *Điều hành các hoạt động trong trường học*, Nxb Hà Nội.
6. Thái Duy Tuyên (2011), *Giáo dục học hiện đại*, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội.
7. <http://www.giaoducthoidai.vn/channel/27/4/2009/2007>.

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 13-5-2011; ngày chấp nhận đăng: 07-6-2012)